TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN YÊN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2022.
"*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và bà Bùi Thị Qua.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị P Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Đ - sinh năm 1998.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Nông Văn P - sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Đ và anh Nông Văn P được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi đăng ký kết hôn anh, chị đã sống với nhau như vợ chồng. Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống tại thôn B, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Đ và anh P bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không có tiếng nói chung, vì thương con nhỏ, chị Đ đã rất nhiều lần nói chuyện với anh P để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh P không nghe, thậm chí còn đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự chị Đ. Mâu thuẫn giữa

chị và anh P đã được gia đình nội, ngoại hai bên hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần, nhưng không có kết quả, thậm chí những bất đồng còn trở nên nghiêm trọng hơn. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay, chị đã đưa con về nhà ngoại sinh sống. Đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là Nông Đức D, sinh ngày 26/10/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị được 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng/tháng), chị và cháu D đang sinh sống tại căn nhà của bố mẹ đẻ chị tại thôn P, xã Tân Lập, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, đảm bảo đủ điều kiện trông nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung: anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh, chị không vay nợ của tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nông Văn P không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn nơi chị Đ, anh P sinh sống sau khi kết hôn, thì được bà Vũ Thị N - Bí thư, trưởng thôn B và bà Hà Thị B - chi Hội trưởng chi hội phụ nữ thôn B cho biết: vợ chồng chị Đ, anh P trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, nhưng do anh chị chưa yêu cầu thôn cũng như Hội phụ nữ tiến hành hòa giải nên không rõ nguyên nhân cụ thể. Anh P lại đi làm xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không quan tâm đến vợ con, hiện chị Đ đã đưa con là cháu Nông Đức D chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị Đ P đã sống ly thân. Nay chị Đ kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em đề nghị Tòa án xem xét cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu còn quá nhỏ và anh P cũng đã có 01 con với vợ cũ và đang để cho bà nội (mẹ anh P) chăm sóc vì anh P đi làm ăn xa.

Tại biên bản làm việc hồi 09 giờ 00 phút, ngày 08/11/2021, bà Hoàng Thị B (là mẹ đẻ anh Nông Văn P) cho biết: anh P là con trai và chị P là con dâu của bà. Sau khi anh, chị kết hôn cùng về thôn B, xã Hải Lạng làm ăn sinh sống. Đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Bà đã rất nhiều lần khuyên can, hòa giải nhưng không được. Đầu năm 2020, chị Đ đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Tân Lập, huyện Đầm Hà sinh sống, còn anh P đi làm ăn tại Hạ Long, chỉ thỉnh thoảng mới về. Việc ly hôn giữa các con bà là việc riêng của các con nên bà không có ý kiến tham gia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền

và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến tại đơn xin xét xử vắng mặt của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh P cũng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: quá trình giải quyết vụ án chị Đ đều khẳng định vợ chồng anh, chị không còn tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn thực sự không thể hàn gắn, mặc dù đã cố gắng nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn, đồng thời gia đình nội ngoại đã hòa giải, nhưng không được. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị Đ đã đưa con về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh, chị ly thân từ thời điểm đó, trong thời gian ly thân cũng không có cách khắc phục tình cảm. Tòa án đã phân tích để chị Đ rút đơn khởi kiện để quay lại đoàn tụ, nhưng chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh P mặc dù được triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhưng vắng mặt nên không có quan điểm về quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Đ và anh P bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không có tiếng nói chung, khi xảy ra mâu thuẫn, anh, chị đã rất nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị mặc dù đã được gia đình nội, ngoại hai bên hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả, hiện nay anh chị đã sống ly thân; từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã triệu tập anh P đến để hòa giải nhiều lần nhưng anh P không đến, từ đó thấy rằng anh P cũng không có thiện chí hòa giải. Do vậy thấy rằng tình trạng vợ chồng giữa chị Đ và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Đ và anh P có 01 con chung là cháu Nông Đức D, sinh ngày 26/10/2018. Chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Đức D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng mình. Do anh P không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con thì cả chị Đ và anh P đều có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do cháu D mới hơn 03 tuổi, hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị Đ, chị Đ có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, anh P hiện đang đi làm ăn ở xa và đang nuôi con riêng của anh với vợ cũ nên điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không bằng chị Đ được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn cho việc chăm sóc, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần của trẻ nhỏ. Do đó, nguyện vọng nuôi con của chị Đ phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nông Văn P.

2. Về con chung: giao con chung Nông Đức D, sinh ngày 26/10/2018 cho chị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Lê Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012021 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Tiên Yên;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS huyện Tiên Yên;*
- *UBND xã Tân Lập, huyện Đầm Hà;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Duy Hải